TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 5 - 2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Phước Đại
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đại Thắng
2. Ông Lê Thị Chói

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Dương Hoài Ẩn – Là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Kim T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)
Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 09/10/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Kim T trình bày: Chị với anh Nguyễn Ngọc T1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2007. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp. Anh T1 thường xuyên ghen tuông vô cớ. Do đó chị Tiền đã về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân khoảng giữa năm 2018 đến nay. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 01/01/2006 và Nguyễn Thành N,

sinh ngày 27/05/2011. Hiện cả T2 và N đang sống với cha. Chị T để các con tự lựa chọn sống với cha hay mẹ đều được.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1, từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Ngọc T1. Tuy nhiên anh T1 đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1 vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng theo quy định pháp luật.

[2] Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Qúa trình chung sống chị T và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không sống chung với nhau, đã ly thân từ năm 2018 đến nay cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Tại tòa chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Võ Kim T và anh Nguyễn Ngọc T1 được ly hôn.

[3] Chị Tiền và anh Thạch có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 01/01/2006 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 27/05/2011. Chị T thống nhất để trẻ T2 và trẻ N được tiếp tục sống chung với anh T2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Kim T phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Kim T và anh Nguyễn Ngọc T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 01/01/2006 và trẻ Nguyễn Thành N, sinh ngày 27/05/2011 cho anh Nguyễn Ngọc T1 trực tiếp nuôi

dưỡng đến khi hai trẻ tròn 18 tuổi. Chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị T, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Kim T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0018023 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lương Phước Đại

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm